

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu

I.1. Khái quát về gói thầu

I.1.1. Tên gói thầu: Lập đề án khai thác sử dụng nước mặt các hồ chứa nước: Thôm Cải, Khuổi Kỳ, Thôm Rảo, Nà Vàng, Bản Đà, Khỏi Kéo, Thôm Luông, tỉnh Cao Bằng.

I.1.2. Địa điểm:

- Hồ Thôm Cải: Thuộc xã Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng
- Hồ Khuổi Kỳ: Thuộc xã Trường Hà, tỉnh Cao Bằng
- Hồ Thôm Rảo: Thuộc xã Lý Quốc, tỉnh Cao Bằng
- Hồ Nà Vàng: Thuộc xã Thạch An, tỉnh Cao Bằng
- Hồ Bản Đà: Thuộc xã Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
- Hồ Thôm Luông: Thuộc xã xã Minh Tâm, tỉnh Cao Bằng.

I.1.3. Mục tiêu

Xây dựng Đề án khai thác nước mặt theo đúng quy định pháp luật để đánh giá hiệu quả và tác động của công trình.

Hoàn thiện hồ sơ pháp lý để trình UBND tỉnh Cao Bằng xem xét, cấp giấy phép khai thác nước mặt cho đơn vị quản lý vận hành.

I.1.4. Thông số kỹ thuật công trình

Bảng: 1 Thông số kỹ thuật của các hồ chứa và đập dâng

| T T | Thông số kỹ thuật | Đơn vị | Hồ Thôm Cải | Hồ Khuổi Kỳ | Hồ Thôm Rảo | Hồ Nà Vàng | Hồ Bản Đà | Hồ Thôm Luông |
|----------|-------------------------------------|--------------------------------|-------------|--------------|-------------|-------------|----------------|---------------|
| | Địa điểm | | xã Hà Quảng | Xã Trường Hà | xã Lý Quốc | Xã Thạch An | Xã Trùng Khánh | xã Minh Tâm |
| 1 | Diện tích lưu vực (Flv) | Km ² | | 6,2 | 3,2 | 1,4 | 7,3 | |
| 2 | Diện tích tưới (F _{tưới}) | ha | 122,3 | 89,1 2 | 164,0 | 53,9 | 25,0 | 60,0 |
| 3 | Dung tích hồ W _{tử} | 10 ⁶ m ³ | 0,16 | 0,63 13 | 0,24 | 0,22 | 0,26 | 0,20 |
| 4 | MNC | m | | 226, 80 | 77,70 | 475,1 0 | 495,5 | |
| 5 | MNDBT | m | | 238, 8 | 85,65 | 481,2 5 | 499,5 0 | 405,40 |
| 6 | MNGC | m | | | 86,00 | 482,5 0 | 501,2 0 | 405,80 |
| I | Đập chính | | | | | | | |

| T T | Thông số kỹ thuật | Đơn vị | Hồ Thô m Cải | Hồ Khuổ i Kỳ | Hồ Thô m Rảo | Hồ Nà Vàng | Hồ Bản Đà | Hồ Thôm Luông |
|------------|---------------------------|--------|--------------|---------------|--------------|-------------|----------------|---------------|
| | Địa điểm | | xã Hà Quán g | Xã Trườn g Hà | xã Lý Quốc | Xã Thạch An | Xã Trùng Khánh | xã Minh Tâm |
| 1 | CT đỉnh đập | m | 90,00 | 241,50 | 86,70 | 484,00 | 502,20 | 407,30 |
| 2 | Hmax | m | 15,00 | 26,6 | 14,7 | 18,00 | 13,00 | 7,8 |
| 3 | Chiều dài đập L | m | 150 | 138,4 | 62,7 | 60,0 | 39,0 | 80,85 |
| II | Cống lấy nước | | | | | | | |
| 1 | Cao trình ngưỡng | m | | 225,80 | 77,2 | 473,8 | 495,8 | 400,6 |
| 2 | Kích thước | m | | D0,80 | D0,3 | D0,3 | D0,8 | D0,2 |
| 3 | Hình thức | | | Có áp | Có áp | Có áp | Có áp | Không áp |
| III | Tràn xả lũ | | | | | | | |
| 1 | CT Tràn | m | | 238,80 | 499,5 | 481,25 | 499,5 | 405,5 |
| 2 | B tràn | m | | 12,0 | 8,5 | 8,0 | 8,5 | 5,0 |
| 3 | Hình thức (cửa van/tự do) | | Tự do | Tự do | Tự do | Tự do | Tự do | Tự do |

I. 2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu

Chọn một đơn vị tư vấn phù hợp, có đủ năng lực, kinh nghiệm, có biện pháp khả thi để thực hiện gói thầu đạt yêu cầu tiến độ, chất lượng theo đúng quy trình quy phạm.

II. Phạm vi công việc

II.1. Phạm vi công việc đối với nhà thầu

II.1.1. Thu thập tài liệu, khảo sát hiện trường

Thu thập các thông tin, số liệu của công trình khai thác nước, các thông tin về tổ chức đề nghị cấp giấy phép khai thác nước.

Lấy mẫu nước thí nghiệm các chỉ tiêu tại các hồ chứa và đập dâng.

II.1.2. Lập Đề án khai thác nước mặt

Quy định về cấp phép khai thác, sử dụng nước tuân thủ theo Điều 52, 53, 54, 55, 56, 57 Luật Tài nguyên nước năm 2023; Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Các hồ chứa trên đều đã được xây dựng trước thời điểm 01/01/2013, theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024, nội dung đề án được lập theo mẫu số 44 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Căn cứ Mẫu số 44-phần Phụ lục tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, nội dung báo cáo lập Đề án khai thác nước mặt gồm các nội dung chính sau:

MỞ ĐẦU

1. Trình bày tóm tắt các thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước

2. Trình bày tóm tắt về công trình khai thác, sử dụng nước xin cấp phép.

a) Tên, vị trí (xã, huyện, tỉnh và tọa độ theo hệ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiều 3o), mục đích, quy mô, nhiệm vụ, phương thức khai thác, sử dụng nước của công trình; nguồn nước khai thác, nguồn nước tiếp nhận (trường hợp công trình chuyển nước; cách thức vận hành ngăn mặn, chống ngập, tạo nguồn, tạo cảnh quan (nếu có).

(Bảng thông số kỹ thuật cơ bản của công trình liên quan đến khai thác nước).

b) Các căn cứ pháp lý liên quan đến xây dựng, quản lý, vận hành công trình.

3. Liệt kê các tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng lập đề án (tài liệu đo đạc, điều tra, đánh giá nguồn nước, hiện trạng khai thác, sử dụng nước, ...); các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp.

Các tài liệu, văn bản kèm theo:

- Quyết định thành lập tổ chức/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định phê duyệt quy hoạch chuyên ngành liên quan đến xây dựng công trình, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, phê duyệt quy trình vận hành công trình (nếu có); văn bản/biên bản liên quan đến việc giao nhiệm vụ quản lý, vận hành công trình (nếu có).

- Số liệu, tài liệu liên quan sử dụng để lập Đề án.

Chương I ĐẶC ĐIỂM NGUỒN NƯỚC

I. Mạng lưới sông suối và đặc điểm khí tượng thủy văn

1. Trình bày cụ thể các đặc trưng nguồn nước khai thác (chiều dài, diện tích lưu vực, hình dáng, độ dốc,...)

2. Mô tả mạng lưới trạm quan trắc khí tượng, thủy văn trên lưu vực sông và phụ cận (*tên, vị trí trạm, yếu tố đo, tần suất đo, thời kỳ quan trắc*). Luận chứng việc lựa chọn trạm quan trắc và số liệu sử dụng để tính toán trong Đề án.

3. Phân tích đặc điểm mưa của khu vực khai thác nước.

(Đính kèm Sơ đồ minh họa (khổ A4 đến A3) khu vực khai thác, sử dụng nước, trong đó thể hiện rõ: mạng lưới sông suối; các trạm quan trắc khí tượng, thủy văn; các công trình khai thác, sử dụng nước; địa danh hành chính các cấp của khu vực).

II. Chế độ dòng chảy

1. Trình bày các đặc trưng thủy văn tại vị trí tuyến công trình theo thời gian tháng, mùa, năm.

Đối với loại hình hồ chứa, đập dâng và các công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch: Trình bày đặc điểm dòng chảy năm, dòng chảy mùa lũ, mùa kiệt.

Đối với loại hình công, trạm bơm, kênh dẫn: Trình bày đặc điểm mực nước, lưu lượng theo các tháng trong năm, quan hệ mực nước, lưu lượng tại vị trí khai thác.

2. Đối với công trình nằm trong vùng ảnh hưởng triều, bổ sung mô tả chế độ triều, biên độ triều, đặc trưng mực nước trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất theo chu kỳ triều tại vị trí công trình.

Chương II TÌNH HÌNH KHAI THÁC VÀ KẾ HOẠCH KHAI THÁC NƯỚC

I. Hiện trạng công trình khai thác, sử dụng nước xin cấp phép

1. Trình bày cụ thể vị trí, nhiệm vụ, quy mô của công trình; các hạng mục chủ yếu và phương thức khai thác nước của công trình; Trình bày cụ thể về tình trạng hoạt động của công trình đến thời điểm lập đề án; những thay đổi của công trình trong suốt quá trình vận.

2. Trình bày cụ thể các thời kỳ (*tháng/mùa/vụ*) lấy nước trong năm; lưu lượng (m^3/s) khai thác trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất theo từng thời kỳ; diễn biến lượng nước khai thác qua các năm; đối với mục đích ngăn mặn, chống ngập, tạo cảnh quan trình bày chế độ vận hành của công trình theo các thời kỳ trong năm, số giờ, số ngày vận hành trong từng thời kỳ.

3. Trình bày cụ thể các vị trí quan trắc và nội dung, phương pháp, chế độ, thiết bị quan trắc, giám sát trong quá trình khai thác nước.

II. Tình hình khai thác nước của các tổ chức, cá nhân khác trong khu vực

1. Trình bày cụ thể tình hình khai thác nước của các công trình có liên quan: vị trí, nhiệm vụ, mục đích, phương thức, chế độ và yêu cầu khai thác nước của các công trình khai thác nước có liên quan.

2. Phân tích, đánh giá ảnh hưởng của các công trình nêu trên đến nguồn nước và vận hành của công trình xin cấp phép.

III. Kế hoạch khai thác nước của công trình trong thời gian đề nghị cấp phép: Thuyết minh cụ thể nhu cầu, kế hoạch, chế độ khai thác nước của công trình trong thời gian đề nghị cấp phép.

Chương III TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC KHAI THÁC NƯỚC VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC

I. Đánh giá tác động của việc khai thác nước và vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng sử dụng nước khác có liên

quan trọng khu vực

Đánh giá tác động của việc điều tiết, vận hành công trình đến: chế độ dòng chảy (*mức nước, lưu lượng*) mùa lũ, mùa kiệt; xói lở lòng, bờ, bãi sông; chất lượng nước; hệ sinh thái thủy sinh và việc khai thác, sử dụng nước của các đối tượng khác trên sông, suối phía thượng và hạ lưu công trình trong các thời kỳ (*mùa lũ, mùa kiệt, thời kỳ dùng nước gia tăng*).

II. Thuyết minh các biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động tiêu cực và giám sát quá trình khai thác nước

1. Đối với loại hình công trình hồ, đập: Luận chứng, xác định dòng chảy tối thiểu duy trì ở hạ lưu công trình; thuyết minh biện pháp, phương án bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu.

2. Đối với các loại hình khai thác, sử dụng nước khác: thuyết minh giải pháp, phương án khắc phục, giảm thiểu tác động tiêu cực của việc khai thác, sử dụng nước tại công trình trong thời gian đề nghị cấp phép.

3. Thuyết minh các biện pháp giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước (*giám sát lưu lượng khai thác, lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu, mức nước, chất lượng nước*): vị trí đo, loại dụng cụ đo, yếu tố đo, chế độ đo. Thuyết minh rõ phương án quan trắc khí tượng, thủy văn; phương tiện, thiết bị, nhân lực thực hiện việc quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước.

KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Các kiến nghị liên quan đến việc cấp phép khai thác nước.

2. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép (về tính chính xác, trung thực của tài liệu, thông tin, số liệu trong đề án; chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các nội dung được trình bày trong đề án).

II.2. Nguồn vốn: Ngân sách địa phương năm 2026.

II.3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH một thành viên thủy nông Cao Bằng.

II.4. Tiến độ thực hiện: 5 tháng.

II.5. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: Quý I/2026.

III. Sản phẩm

- Thành phần hồ sơ gồm có: Đề án khai thác, sử dụng nước mặt của các hồ chứa.

- Số lượng hồ sơ giao nộp: 09 bộ + 01 USB lưu trữ file.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Theo quy định tại chương III.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

Chủ đầu tư tạo điều kiện làm việc, cán bộ hỗ trợ của chủ đầu tư và những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên

quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.